TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC THỦY** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DSST
V/v kiện xin ly hôn.
Ngày 23 tháng 8 năm 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY – HÒA BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Hải Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Khánh;
2. Ông: Bùi Hữu Thành.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà - Nguyễn Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 Tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 32/2023/ HNGD ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc kiện xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Duy G, sinh năm 1989, có mặt
2. Bị Đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1992, vắng mặt
Cùng trú tại: thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình.
3. Người làm chứng: bà Đinh Thị T, vắng mặt.
Trú tại: thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Duy G như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 06/8/2013 anh Nguyễn Văn G và chị Lê Thị T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là xã P), huyện L, tỉnh Hoà Bình. Sau khi kết hôn anh, chị về chung sống cùng nhà với gia đình anh G tại thôn Đô, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Anh chị chung sống hoà thuận đến tháng 4 năm 2022 thì giữa hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T nghi ngờ anh G ngoại tình, anh đã giải thích nhưng chị T không nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy cãi vã. Bố mẹ anh G chưa tìm hiểu đầu đuôi câu chuyện thế nào, đã đuổi anh ra khỏi nhà. Từ đó đến nay anh G và chị T đã sống ly thân, thấy rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên anh G khởi kiện ra Tòa xin được ly hôn với chị T. Tại Phiên tòa hôm nay anh G

vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung: Anh G và chị T có 02 con chung, con trai lớn tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/3/2014; con gái thứ hai tên Nguyễn Lê Tuệ N, sinh ngày 13/4/2022. Hiện nay hai con đang ở với chị T, do chi T có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, anh G cũng đồng ý và nhận cấp dưỡng cho chị T nuôi cháu Nguyễn Lê Tuệ N với số tiền là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/ tháng cho đến khi cháu N trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị T khai như sau:

Về hôn nhân: chị T xác nhận lời trình bày của anh G về quá trình kết hôn là đúng sự thật. Theo chị, mâu thuẫn trong gia đình do anh G ngoại tình, thiếu quan tâm đến vợ con, chị và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh G không thay đổi. Anh G đã chuyển ra ngoài ở riêng từ tháng 5 năm 2022. Hai anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Quan điểm của chị T là mong muốn gia đình đoàn tụ, để các con có bố.

Về con chung: chị xác nhận là hai anh chị có 02 con chung như anh G trình bày. Nếu anh G kiên quyết ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu anh G cấp dưỡng cho con Nguyễn Lê Tuệ N 4.000.000 (bốn triệu) đồng/ tháng cho đến khi cháu N trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành về địa phương nơi anh G, chị T sinh sống để xác minh thu thập chứng cứ. Theo ông Nguyễn Văn B, trưởng thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình và mẹ anh Nguyễn Duy G: là bà Lê Thị T cho biết: anh Nguyễn Duy G và chị Lê Thị T, sau khi kết hôn về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn Đ. Hai anh chị chung sống hoà thuận đến tháng 5 năm 2022 thì sống ly thân đến nay. Nguyên nhân là nghe nói cháu G ngoại tình, thiếu quan tâm đến vợ con, từ đó nẩy sinh mâu thuẫn, gia đình và thôn xóm đã động viên hòa giải, nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị Lê Thị Thu và giải quyết về con chung theo như nguyện vọng đã trình bày trong đơn và bản khai tại Tòa án.

Bị đơn chị Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Người làm chứng bà Đinh Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham giam phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình, tuân thủ quy định luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Duy G đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lê Thị T đã không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án đến để tham gia phiên toà vi phạm quy định tại các điều 70, 72 BLTTDS, căn cứ Điều 227 BLTTDS đề nghị Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Do cuộc sống chung giữa anh G, chị T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh G, chị T đã sống ly thân hơn một năm nay. Như vậy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh G với chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 điều 51, điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xét xử vắng mặt chị Lê Thị T. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Duy G.

Về con chung: Giao hai cháu: Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/3/2014 và Nguyễn Lê Tuệ N, sinh ngày 13/4/2022 cho mẹ cháu là chị Lê Thị T nuôi dưỡng, anh G có trách nhiệm cấp dưỡng cho chị T nuôi cháu Nguyễn Lê Tuệ N 4.000.000 (bốn triệu) đồng/ tháng cho đến khi cháu N trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: bị đơn chị Lê Thị T hiện có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2.] Về quan hệ tranh chấp: anh Nguyễn Duy G và chị Lê Thị T đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C (nay là xã P), huyện L, tỉnh Hoà Bình và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 18/2023, ngày 06 tháng 8 năm 2013. Anh G khởi kiện xin ly hôn với chị T, Tòa án đã thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp là: ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 bộ luật tố tụng dân sự.

[3.] Về quan hệ hôn nhân: xét thấy hôn nhân giữa anh Nguyễn Duy G và chị Lê Thị T là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và tiến bộ. Sau kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến khoảng tháng 5 năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn căng thẳng, anh G chuyển ra ngoài sống riêng và hai anh chị sống ly thân hơn một năm nay. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được gia đình hai bên cũng như thôn, xóm và Tòa án tiến hành hoà giải nhưng không thành. Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh G kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Chị T tuy mong muốn gia đình đoàn tụ nhưng không có giải pháp tích cực hay phương án để giải quyết mâu thuẫn gia đình, ngược lại cuộc sống vợ chồng ly thân đã hơn một năm nay, tình trạng hôn nhân đi vào bế tắc không có hạnh phúc, tương lai.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Duy G và chị Lê Thị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Duy G xin ly hôn với chị Lê Thị T.

[4]Về con chung: Tại biên bản hòa giải tại Tòa án, Anh G và chị T thỏa thuận: Giao hai con chung là: Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/3/2014 và Nguyễn Lê Tuệ N, sinh ngày 13/4/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, anh G nhất trí cấp dưỡng cho con Nguyễn Lê Tuệ N 4.000.000 (bốn triệu) đồng/ tháng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận do tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, Tòa án nên chấp nhận.

[5]Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về công nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]Về án phí : Án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Duy G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Duy G, tuyên xử cho anh Nguyễn Duy G ly hôn với chị Lê Thị T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

- Giao hai con chung: Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/3/2014 và Nguyễn Lê Tuệ N, sinh ngày 13/4/2022 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con trưởng thành. Anh G có quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng cho con: anh Nguyễn Duy G có trách nhiệm cấp dưỡng cho con Nguyễn Lê Tuệ N 4.000.000 (bốn triệu) đồng/ tháng kể từ ngày 01/9/2023.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết,

5. Về án phí: Anh Nguyễn Duy G nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số: 0000243 ngày 12/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy, anh G còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện LT;
- THADS huyện LT
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Hải Dương

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh HB;*
- *VKSND huyện LT;*
- *THADS huyện LT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*